

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BẮC TỪ LIÊM  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2024/KDTM-ST**

Ngày: 15 - 7 - 2024

*V/v tranh chấp Hợp đồng tín  
dụng*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Hòa;

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Trần Đức Anh;
2. Ông Nguyễn Minh Tuấn;

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Phong Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 19/2024/TLST- KDTM ngày 17/4/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-KDTM ngày 27/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH mua bán nợ A** (sau đây gọi tắt là Công ty A); Trụ sở: LK7-32 B, đường C, phường D, thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Bà **Nguyễn Thị Huyền G**- Giám đốc;

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Lê Đức H** - Phó Giám đốc; ông **Đỗ Thành J**- Phó Giám đốc (theo Văn bản ủy quyền số 01/2023/GUQ-GLXDT ngày 25/10/2023). Ông H ủy quyền lại cho ông Hoàng Kim K, sinh năm 1993 - cán bộ xử lý nợ (theo Văn bản ủy quyền về việc nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng tại Tòa án số 196/2024/UQKK-GLXDTVPN, ngày 16/4/2024);

\* ***Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Nguyên đơn:*** Công ty Cổ phần L; địa chỉ: Tầng 15 Tòa nhà Q, số 219 phố W, phường R, quận T, Thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hoàng Anh Y; chức vụ: Tổng giám đốc;

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Huy U - Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ (theo Văn bản ủy quyền số 01/2024/UQ-TGD ngày 28/6/2024). Ông U ủy quyền lại cho ông Hoàng Kim K, sinh năm 1993 - chuyên viên xử lý nợ (theo Văn bản ủy quyền số 35/2024/UQ-L.A ngày 15/7/2024); có mặt.

2. Bị đơn: **Công ty Cổ phần I** (sau đây gọi tắt là Công ty I);

Trụ sở: Số 235 O, phường P, quận Z, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Đào Tấn X**, sinh năm 1990;

Nơi ĐKNKTT: Hẻm 338/29/2 N, phường M, thành phố Q1, tỉnh W1; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Đào Tấn X**, sinh năm 1990; Nơi ĐKNKTT: Hẻm 338/29/2 N, phường M, thành phố Q1, tỉnh W1; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Công ty A trình bày*

Công ty I vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần E1 (sau đây viết tắt là Ngân hàng E1) - Chi nhánh R1, theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2607XX- 8604XXX-01-SME ngày 28/07/2022 và các Khế ước nhận nợ, còn dư nợ với tổng số tiền là: 12.762.730.050 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số 2607XX- 8604XXX-01-SME ngày 28/07/2022.

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C để nhập khẩu và mua trong nước sản phẩm hạt nhựa các loại.

+ Hạn mức cho vay: 80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng).

+ Số tiền vay: 12.762.730.050 đồng (mười hai tỷ, bảy trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, không trăm năm mươi đồng).

+ Lãi suất trong hạn: Được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng E1.

+ Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

+ Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Khế ước nhận nợ số: 0301XX-8604XXX-01-SME ngày 03/11/2022:

+ Số tiền nhận nợ: 5.793.055.050 đồng (năm tỉ, bảy trăm chín mươi ba triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, không trăm năm mươi đồng);

+ Thời hạn vay: 03 tháng, từ ngày 03/11/2022 đến ngày 03/02/2023.

+ Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 11.8%/năm.  
Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong suốt thời gian vay.

Thời hạn trả nợ:

+ Khách hàng phải trả nợ gốc cho bên Ngân hàng một lần vào ngày kết thúc thời hạn vay quy định tại khoản 2 của khế ước nhận nợ này.

+ Khách hàng phải trả tiền lãi cho bên Ngân hàng định kỳ 01 tháng/ lần vào ngày 15 (sau đây gọi là kỳ trả nợ lãi); Kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 15/11/2022.

Sau khi vay đến ngày 16/01/2023 Công ty I vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi đối với Ngân hàng.

- Khế ước nhận nợ số: 081122-8604XXX-01-SME ngày 09/11/2022:

+ Số tiền nhận nợ: 6.969.675.000 đồng (sáu tỉ, chín trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

+ Thời hạn vay: 03 tháng, từ ngày 09/11/2022 đến ngày 09/02/2023,

+ Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 11.8%/năm.  
Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong suốt thời gian vay.

- Thời hạn trả nợ:

+ Khách hàng phải trả nợ gốc cho bên Ngân hàng một lần vào ngày kết thúc thời hạn vay quy định tại khoản 2 của khế ước nhận nợ này.

+ Khách hàng phải trả tiền lãi cho bên Ngân hàng định kỳ 01 tháng/ lần vào ngày 15 (sau đây gọi là kỳ trả nợ lãi); Kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 15/12/2022.

Sau khi vay, đến ngày 16/01/2023 Công ty I đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi.

\* Biện pháp bảo đảm cho khoản vay:

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

Lô hàng hạt nhựa nguyên sinh số lượng 49.500 MT (DS:+-0%) hình thành trong tương lai từ hợp đồng số 4272XXX ký ngày 04/10/2022 giữa Công ty Cổ phần I và T1 PTE.LTD.

Lô hàng hạt nhựa nguyên sinh số lượng 72.000 MT (DS:+-0%) hình thành trong tương lai từ hợp đồng số 4272XXX ký ngày 04/10/2022 giữa Công ty Cổ phần I và T1 PTE.LTD.

Lô hàng hạt nhựa nguyên sinh số lượng 72.000 MT (DS:+-0%) hình thành trong tương lai từ hợp đồng số 4272XXX ký ngày 04/10/2022 giữa Công ty Cổ phần I và T1 PTE.LTD.

Lô hàng hạt nhựa nguyên sinh số lượng 49.500 MT (DS:+-0%) hình thành trong tương lai từ hợp đồng số 4272XXX ký ngày 04/10/2022 giữa Công ty Cổ phần I và T1 PTE.LTD.

Lô hàng hạt nhựa nguyên sinh số lượng 49.500 MT (DS:+-0%) hình thành trong tương lai từ hợp đồng số 4276XXX ký ngày 06/10/2022 giữa Công ty Cổ phần I và T1 PTE.LTD.

Hiện các lô hạt nhựa này Công ty A kiểm tra và làm việc với Công ty I thì không còn nữa.

- *Biện pháp bảo đảm khác:* Theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/BLCN/E1 ngày 28/07/2022, ông Đào Tấn X đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty I trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2607XX-8604XXX-01-SME ngày 28/07/2022 ký giữa Công ty I với E1 bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

E1 đã giải ngân cho Công ty I số tiền là: 12.762.730.050 đồng. Công ty I đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với E1 kể từ ngày 16/01/2023 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Ngày 30/6/2023 E1 đã bán khoản nợ của Công ty I cho Công ty A theo Hợp đồng mua bán nợ số: X-30/06/2023/VPB-GLX kèm theo phụ lục hợp đồng số XX/Phụ lục. Theo Hợp đồng mua bán nợ này thì, E1 đã chuyển quyền chủ khoản nợ nêu trên cho Công ty A. Theo đó, E1 đồng ý bán và Công ty A đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là Công ty I, giá trị của (các) khoản nợ được mua bán bao gồm: toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh cho đến ngày có hiệu lực của Hợp đồng mua bán nợ. Đồng thời E1 chuyển giao toàn bộ quyền chủ nợ, Công ty A kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của E1 đối với (các) khoản nợ đã mua và quyền đối với (các) tài sản bảo đảm liên quan đến khoản nợ của Công ty I. Tính đến ngày 15/7/2024, Công ty I còn nợ Công ty A số tiền là:

Nợ gốc là: 10.589.466.390 đồng;

Nợ lãi trong hạn là: 201.114.233 đồng;

Nợ lãi quá hạn là: 2.926.408.945 đồng;

Phạt chậm trả là: 302.087.522 đồng;

Tổng cộng là: 14.019.077.090 đồng (mười bốn tỷ, không trăm mười chín triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm chín mươi đồng);

\* Công ty A đề nghị Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Công ty I phải thanh toán cho Công ty A toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên, tính đến ngày 15/7/2024 là: 14.019.077.090 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 10.589.466.390 đồng; nợ lãi trong hạn là: 201.114.233 đồng; nợ lãi quá hạn là: 2.926.408.945 đồng; phạt chậm trả tính đến ngày 15/7/2024 là: 302.087.522 đồng;

- Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, các văn bản tín dụng kèm theo cho đến ngày Công ty I thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty A.

- Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án nội dung: Công ty A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho Công ty A nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty A, cụ thể như sau:

+ Lô hàng hạt nhựa nguyên sinh số lượng 49.500 MT (DS:+-0%) hình thành trong tương lai từ hợp đồng số 42722XXX ký ngày 04/10/2022 giữa Công ty Cổ phần I và T1 PTE LTD.

+ Lô hàng hạt nhựa nguyên sinh số lượng 72.000 MT (DS:+-0%) hình thành trong tương lai từ hợp đồng số 4272XXX ký ngày 04/10/2022 giữa Công ty Cổ phần I và T1 PTE.LTD.

+ Lô hàng hạt nhựa nguyên sinh số lượng 72.000 MT (DS:+-0%) hình thành trong tương lai từ hợp đồng số 4272XXX ký ngày 04/10/2022 giữa Công ty Cổ phần I và T1 PTE.LTD.

+ Lô hàng hạt nhựa nguyên sinh số lượng 49.500 MT (DS:+-0%) hình thành trong tương lai từ hợp đồng số 4272XXX ký ngày 04/10/2022 giữa Công ty Cổ phần I và T1 PIELTD.

+ Lô hàng hạt nhựa nguyên sinh số lượng 49.500 MT (DS:+-0%) hình thành trong tương lai từ hợp đồng số 4276XXX ký ngày 06/10/2022 giữa Công ty Cổ phần I và T1 PTE.LTD.

- Nếu tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Công ty A, Công ty A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty I để thu hồi khoản nợ cho đến khi Công ty I thanh toán hết khoản nợ cho Công ty A.

- Công ty A đề nghị Tòa án tuyên trong bản án về việc Công ty A có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là ông Đào Tấn X có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty I tại Công ty A. Đề nghị xác minh các tài sản của ông Đào Tấn X để cơ quan thi hành án kê biên, phát mại thu hồi nợ cho Công ty A theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

*\* Tại bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, ông Đào Tấn X là người đại diện theo pháp luật của Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Công ty I vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần E1 (chi nhánh R1), theo hợp đồng cấp tín dụng số 2007XX-01-SME ngày 28/7/2022 và các khế ước nhận nợ kèm theo tổng lãi là 12.762.730.050 đồng;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành ... để nhập khẩu và mua trong nước sản phẩm hạt nhựa các loại.

Hạn mức cho vay: 80.000.000.000 đồng;

Số tiền vay là: 12.762.730.050 đồng;

Lãi xuất cho vay trong hạn được quy định trong các khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên ngân hàng.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Biện pháp đảm bảo cho khoản vay:

Lô hạt nhựa số lượng 49500 từ hợp đồng số 4272XXX ký ngày 04/10/2022 với T1 PTE LTD;

Lô hạt nhựa số lượng 72000 ký hợp đồng số 4272XXX ký ngày 04/10/2022 với T1 PTE LTD;

Lô hạt nhựa số lượng 72000 ký hợp đồng số 4272XXX ký ngày 04/10/2022 với T1 PTE LTD;

Lô hạt nhựa số lượng 49500 ký hợp đồng số 4272XXX ký ngày 04/10/2022 với T1 PTE LTD;

Lô hạt nhựa số lượng 49500 ký hợp đồng số 4276XXX ký ngày 06/10/2022;

Công ty I đã nhận được quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, tuy nhiên hàng hóa thế chấp với E1, Công ty I đã bán hết cho khách hàng, không còn ở kho hay ở địa chỉ nào khác.

Ngoài ra, tôi (Đào Tấn X) có ký hợp đồng bảo lãnh số XX/BLCN/E1 ngày 28/7/2022 để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty I.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Công ty I được Ngân hàng giải ngân đủ số tiền đã vay theo hợp đồng và khế ước nhận nợ đã ký.

Từ cuối năm 2022 Công ty I gặp khó khăn về kinh tế như: Tỷ giá USD tăng ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty; thị trường trong nước chậm... Các bên báo Công ty I phá sản nên các khách hàng, nhà cung cấp hạn chế làm với Công ty I, ảnh hưởng về sau này...

Hiện tại Công ty I vẫn luôn hợp tác và cố gắng xử lý dần dư nợ. E1 bán nợ cho Công ty A có thông báo cho chúng tôi biết.

Với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, đề nghị Công ty A tạo điều kiện cho Công ty I được trả nợ theo lộ trình: từ tháng 6 đến tháng 9/2024, mỗi tháng Công ty I sẽ trả 20 đến 50 triệu đồng, từ tháng 10 đến tháng 12/2024 sẽ trả 40 đến 100 triệu đồng. Từ tháng 01 đến tháng 12/2025, Công ty sẽ trả cho Công ty A mỗi tháng từ 60 đến 130 triệu đồng, cuối năm 2026 Công ty I sẽ tắt toán toàn bộ khoản vay. Nếu kinh tế phát triển ổn định thì trong năm 2025, Công ty sẽ tắt toán toàn bộ khoản vay với Công ty A. Đề nghị Công ty A miễn, giảm toàn bộ lãi và phạt.

*Tại phiên tòa:*

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Ngày 12/7/2024 Công ty mua bán nợ A và Công ty Cổ phần L (sau đây gọi tắt là Công ty L) ký Hợp đồng mua bán nợ số: 09/HĐMBN/HALAXY-L, theo hợp đồng thì Công ty A đã bán cho Công ty L khoản nợ là 1.400.950.000.000 đồng (một nghìn bốn trăm tỉ,

chín trăm năm mươi triệu đồng), trong đó có khoản nợ của Công ty I hiện Công ty A đang khởi kiện tại Tòa án. Tòa án đã đưa Công ty L tham gia vào vụ án với tư cách “Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Công ty A”. Ông là người tiếp tục được Công ty L ủy quyền tham gia giải quyết vụ án. Ông có ý kiến:

+ Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về đòi tiền nợ gốc, tiền nợ lãi tính đến ngày 15/7/2024 tổng cộng là 13.716.989.568 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là: 10.589.466.390 đồng, tiền lãi trong hạn là: 201.114.233 đồng, tiền lãi quá hạn là: 2.926.408.945 đồng.

Nếu Công ty I không trả nợ thì Công ty L có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty I và tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đào Tấn X để thu hồi nợ cho Công ty L.

+ Nguyên đơn xin rút đối với phần yêu cầu bị đơn trả tiền phạt chậm trả tính đến ngày 15/7/2024 là: 302.087.522 đồng;

+ Nguyên đơn xin rút phần yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là các lô hạt nhựa hình thành trong tương lai của Công ty I.

- Bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Công ty I, ông Đào Tấn X trình bày: Chấp nhận toàn bộ các khoản nợ của Công ty A đã đưa ra, xong do Công ty I chưa có tiền trả nợ, xin được trả nợ dần theo lộ trình. Đề nghị Công ty A miễn, giảm tiền lãi và tiền phạt.

Ông đã được Công ty A thông báo về việc Công ty A đã bán khoản nợ của Công ty I cho Công ty Cổ phần L, ông không có ý kiến gì.

- Công ty L không đồng ý trả nợ theo lộ trình; hiện tại Công ty L không miễn, giảm tiền lãi cho Công ty I.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 41 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Xác định người tham gia tố tụng đầy đủ; Việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định; Việc giao quyết định xét xử và hồ sơ nghiên cứu cho Viện kiểm sát đúng quy định. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Xong Thẩm phán vẫn còn vi phạm về thời hạn xử lý đơn khởi kiện.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về ý kiến của việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại; các Điều 116, 317, 318, 319, 323, 335, 336, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Các Điều 91, 92, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 217, 218 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- + Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn;
- + Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2607XX-8604XXX-01-SME ngày 28/07/2022; Khế ước nhận nợ số: 0301XX-8604XXX-01-SME ngày 03/11/2022; Khế ước nhận nợ số: 0811XX-8604XXX-01-SME ngày 09/11/2022 giữa Ngân hàng TMCP E1 và Công ty Cổ phần I, tính đến ngày 15/7/2024 là 13.716.989.568 đồng. Trong đó: nợ gốc: 10.589.466.390 đồng; lãi trong hạn: 201.114.233 đồng; lãi quá hạn: 2.926.408.945 đồng. Nếu Công ty I không trả số tiền trên cho Công ty L thì Công ty I phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký.

Trường hợp công ty I không thanh toán khoản nợ thì ông Đào Tấn X có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty I cho Công ty Cổ phần L theo Hợp đồng bảo lãnh số X/BLCN/E1 ngày 28/07/2022 ký giữa ông X và E1.

- + Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền lãi phạt chậm trả và việc xử lý tài sản bảo đảm.

- + Về án phí: Yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Nguyên đơn được nhận lại tiền dự án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty I là bị đơn trong vụ án, có trụ sở (theo đăng ký kinh doanh) tại: số 235 O, phường P, quận Z, Thành phố Hà Nội. Tranh chấp giữa Công ty A với Công ty I phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh, cùng vì mục đích lợi nhuận, là vụ án Kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Ngày 30/06/2023, Ngân hàng TMCP E1 (E1) đã bán khoản nợ của Công ty I cho Công ty A theo Hợp đồng mua bán nợ số: X-30/06/2023/VPB-GLX kèm theo phụ lục hợp đồng số XX/Phụ lục. Theo Hợp đồng mua bán nợ này, E1 đã chuyển quyền chủ khoản nợ nêu trên cho Công ty A. Theo đó, E1 đồng ý bán và Công ty A đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là Công ty I, giá trị của (các) khoản nợ được mua bán bao gồm toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh



cho đến ngày có hiệu lực của Hợp đồng mua bán nợ. Đồng thời, E1 chuyển giao toàn bộ quyền chủ nợ, Công ty A kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của E1 đối với (các) khoản nợ đã mua và quyền đối với (các) tài sản bảo đảm liên quan đến khoản nợ của Công ty I. Vì vậy, Công ty A có quyền khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với Công ty I và xác định là nguyên đơn trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Ngày 12/7/2024 Công ty mua bán nợ A và Công ty Cổ phần L ký Hợp đồng mua bán nợ số: XX/HĐMBN/HALAXY-L. Theo hợp đồng thì Công ty A bán cho Công ty L khoản nợ với số tiền là 1.400.950.000.000 đồng, trong đó có khoản nợ của Công ty I hiện Công ty A đang khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Công ty Cổ phần L “kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng” của Công ty A.

[1.3] Sau khi vay tiền của Ngân hàng E1, ngày 16/01/2023 Công ty I vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vì vậy Công ty A có quyền khởi kiện yêu cầu Công ty I trả nợ.

[2] Về nội dung

[2.1] Về Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2607XX – 8604XX-01-SME ngày 28/7/2022; Khế ước nhận nợ số: 0301X-8604XXX-01-SME ngày 03/11/2022; Khế ước nhận nợ số: 0811XX-8604XXX-01-SME ngày 09/11/2022 giữa Ngân hàng TMCP E1 với Công ty Cổ phần I; Hợp đồng bảo lãnh số XX/BLCN/E1 ngày 28/7/2022. Theo Điều lệ của E1 được quyền ký kết các hợp đồng tín dụng nhân danh E1. Công ty I là tổ chức có đăng ký kinh doanh, ông Đào Tấn X là cá nhân có đủ năng lực pháp luật, nhận thức nên các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, Hợp đồng bảo lãnh trên được ký kết giữa các bên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đều hợp pháp.

Hợp đồng mua bán nợ số X-30/6/2023/VP-GLX ngày 30/6/2023; Phụ lục hợp đồng số XX/Phụ lục ký giữa Ngân hàng TMCP E1 và Công ty TNHH mua bán nợ A có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

Hợp đồng mua bán nợ số: XX/HĐMBN/HALAXY-L ngày 12/7/2024 ký giữa Công ty mua bán nợ A với Công ty Cổ phần L có nội dung và hình thức đúng với quy định của pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu đòi tiền nợ gốc: Do Công ty I không thực hiện việc thanh toán trả tiền nợ gốc, tiền nợ lãi theo hợp đồng tín dụng như đã thỏa thuận tại Hợp đồng và các Khế ước nhận nợ nêu trên, vì vậy Công ty A đã khởi kiện. Tính đến thời điểm xét xử (ngày 15/7/2024), Công ty I còn nợ Công ty A số tiền là 10.589.466.390 đồng. Công ty A khởi kiện, yêu cầu Công ty I phải trả tiền nợ gốc 10.589.466.390 đồng. Công ty I thừa nhận còn nợ Công ty A số tiền nợ gốc mà Công ty A đã đưa ra. Yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc của Công ty A là có căn cứ, được chấp nhận, sẽ buộc Công ty I phải trả nợ Công ty A khoản tiền nợ gốc này.

[2.3] Về yêu cầu đòi tiền nợ lãi: Tại phiên tòa, Công ty A yêu cầu Công ty I phải trả số tiền lãi trong hạn là: 201.114.233 đồng, tiền lãi quá hạn là: 2.926.408.945 đồng. Do Công ty I không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ giữa hai bên đã ký kết. Căn cứ vào bảng kê tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm do Nguyên đơn xuất trình đều thể hiện nguyên đơn đã áp dụng việc điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất quá hạn trên cơ sở khi có sự điều chỉnh về lãi suất đúng như thoả thuận trong hợp đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu tính lãi của Công ty A là có căn cứ, không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Bị đơn là Công ty I thừa nhận còn nợ Công ty A số tiền lãi như đã tính toán, vì vậy sẽ buộc Công ty I phải trả Công ty A các khoản tiền nợ lãi này.

[2.4] Về yêu cầu đòi tiền phạt chậm trả tính đến ngày 15/7/2024 là 302.087.522 đồng: Tại phiên tòa, Công ty A xin rút, không yêu cầu Công ty I trả số tiền này. Hội đồng xét xử thấy rằng việc rút yêu cầu của Công ty A là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ giải quyết yêu cầu này của Công ty A theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.5] Về xử lý tài sản bảo đảm: Tại phiên tòa, Công ty A xin rút, không yêu cầu phát mại các lô hạt I hình thành trong tương lai. Hội đồng xét xử thấy rằng việc rút yêu cầu của Công ty A là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ giải quyết yêu cầu này của Công ty A theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.6] Về Hợp đồng bảo lãnh: Theo Hợp đồng bảo lãnh số XX/BLCN/E1 ngày 28/07/2022, ông Đào Tấn X đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty I trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2607XX- 8604XXX-01-SME ngày 28/07/2022 ký giữa Công ty I với E1 bao gồm cả các Phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, Khế ước nhận nợ và văn bản liên quan. Vì vậy nếu Công ty I không trả nợ cho Công ty A thì Công ty A có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là ông Đào Tấn X có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty I đối với Công ty A trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2607XX- 8604XXX-01-SME ngày 28/07/2022 ký giữa Công ty I với E1.

[3] Về án phí: Yêu cầu của Công ty A được chấp nhận nên Công ty A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Công ty I phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Ngày 12/7/2024 Công ty mua bán nợ A ký Hợp đồng mua bán nợ số: XX/HĐMBN/HALAXY-L với Công ty Cổ phần L. Công ty L Kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của Công ty A, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ tuyên Công ty I phải trả nợ cho Công ty Cổ phần L là đúng quy định tại khoản 3 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 74; các Điều 144, 147, 227, 235, khoản 2 Điều 244; các Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 116, 335, 336, 342, 365, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần L khởi kiện đòi nợ tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn đối với Công ty Cổ phần I.

2. Buộc Công ty Cổ phần I phải trả nợ cho Công ty Cổ phần L số tiền nợ theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2607XX – 8604XXX-01-SME ngày 28/07/2022; Khế ước nhận nợ số: 0301XX-8604XXX-01-SME ngày 03/11/2022; Khế ước nhận nợ số: 0811XX-8604XXX-01-SME ngày 09/11/2022, tính đến ngày 15/7/2024 là 13.716.989.568 đồng (mười ba tỉ, bảy trăm mười sáu triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng). Trong đó tiền nợ gốc là: 10.589.466.390 đồng (mười tỉ, năm trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi đồng), tiền lãi trong hạn là: 201.114.233 đồng (hai trăm linh một triệu, một trăm mười bốn nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng), tiền lãi quá hạn là: 2.926.408.945 đồng (hai tỉ, chín trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm linh tám nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng).

3. Kể từ ngày 16/7/2024, Công ty I còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong: Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2607XX– 8604XXX-01-SME ngày 28/07/2022; Khế ước nhận nợ số: 0301XX-8604XXX-01-SME ngày 03/11/2022; Khế ước nhận nợ số: 0811XX-8604XXX-01-SME ngày 09/11/2022 cho đến khi Công ty Cổ phần I thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng; Khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP E1 cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho

Công ty Cổ phần L theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP E1 cho vay.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty Cổ phần I không trả nợ cho Công ty Cổ phần L thì Công ty Cổ phần L có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đào Tấn X để thu hồi khoản nợ cho đến khi Công ty Cổ phần I thanh toán hết khoản nợ đối với Công ty Cổ phần L.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần L đòi Công ty Cổ phần I trả tiền phạt chậm trả 302.087.522 đồng (ba trăm linh hai triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm hai mươi hai đồng).

6. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần L yêu cầu phát mại tài sản là các lô hạt nhựa hình thành trong tương lai của Công ty Cổ phần I đảm bảo để thu hồi nợ.

#### **7. Về án phí**

- Công ty Cổ phần I phải chịu 209.169.865 đồng (hai trăm linh chín triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi lăm đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại Công ty Cổ phần L 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) tiền tạm ứng án phí do Công ty mua bán nợ A đã nộp tại Biên lai số 0021484 ngày 12/4/2024 Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

#### **8. Quyền kháng cáo**

Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ, Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND, VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Hòa**

